Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8453.20.10

Mã HS	8453.20.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để sơ chế, thuộc da hoặc chế biến da sống hoặc da thuộc hoặc máy để sản xuất hoặc sửa chữa giày dép hoặc các sản phẩm khác từ da sống hoặc da thuộc, trừ các loại máy khâu / - Máy để sản xuất hoặc sửa chữa giày dép: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:41:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84532010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14051
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14051
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14051
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13376
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13317
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13317
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13317
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13317
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13317
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13317
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13371
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13371

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13371
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13371
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13371
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13371
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13372
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13372
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13372
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13372
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13372
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13372
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13375
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13323
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13331
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13331
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13331
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13331
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13331
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13331
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13362
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13362
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13362
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13362
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13362
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13362
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13411
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13411

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13411
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13411
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13411
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13411
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13394
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13394
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13394
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13394
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13394
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13394
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13394
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13394
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13394
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13394
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13394
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13394
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13409
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13409
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13409
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13409
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13409
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13409
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13408
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13408
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13408
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13408
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13408
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13388
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13388
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13388
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13388
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13388
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13388
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13388
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13396
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13396
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13396
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13396
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13396
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13396
RCEP B	2022	2022	0	B!D13396
RCEP B	2023	2023	0	B!E13396
RCEP B	2024	2024	0	B!F13396
RCEP B	2025	2025	0	B!G13396
RCEP B	2026	2026	0	B!H13396
RCEP B	2027	2027	0	B!I13396
RCEP C	2022	2022	0	C!D13396
RCEP C	2023	2023	0	C!E13396
RCEP C	2024	2024	0	C!F13396
RCEP C	2025	2025	0	C!G13396
RCEP C	2026	2026	0	C!H13396

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13396
RCEP D	2022	2022	0	D!D13395
RCEP D	2023	2023	0	D!E13395
RCEP D	2024	2024	0	D!F13395
RCEP D	2025	2025	0	D!G13395
RCEP D	2026	2026	0	D!H13395
RCEP D	2027	2027	0	D!I13395
RCEP E	2022	2022	0	E!D13399
RCEP E	2023	2023	0	E!E13399
RCEP E	2024	2024	0	E!F13399
RCEP E	2025	2025	0	E!G13399
RCEP E	2026	2026	0	E!H13399
RCEP E	2027	2027	0	E!I13399
RCEP F	2022	2022	0	F!D13396
RCEP F	2023	2023	0	F!E13396
RCEP F	2024	2024	0	F!F13396
RCEP F	2025	2025	0	F!G13396
RCEP F	2026	2026	0	F!H13396
RCEP F	2027	2027	0	F!I13396
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12429
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12429
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12429
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12429

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8453.20 có 2 dòng thuế; dòng 8453.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8453.20.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8453.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8453.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14051), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.